

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Hương;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tý;

Bà Hồ Thị Thắm Thúy Hằng;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Trung Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 382/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 599/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh V.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: phường N, quận B, thành phố C

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 30/8//2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới với sự chứng kiến của cha mẹ hai bên vào năm 2009. Đến ngày 28/01/2010 ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố C. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay, giữa ông bà không còn quan tâm nhau và không còn liên lạc với nhau nữa. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Nguyễn Gia K(nam), sinh ngày 23/7/2010. Hiện nay K đang được ông A nuôi dưỡng nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị T, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà Vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi nên vụ án không hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông A. Chấp nhận giao con chưa thành niên cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A không yêu cầu bị đơn bà T cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T có địa chỉ: phường N, quận B, thành phố C. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng bà T cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà T tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố C vào ngày 28/01/2010. Hôn nhân của ông A và bà T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà T hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 5/2017 ông bà đã sống ly thân nhau cho đến

nay và không còn liên lạc cũng như quan tâm cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa ông A trình bày hiện nay ông không còn tình cảm với bà T nữa, mỗi người đã có cuộc sống riêng nên không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết được ly hôn với bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà T nhưng bà T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn của ông A. Điều này chứng tỏ bị đơn bà T không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với ông A.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông A yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Gia K(nam), sinh ngày 23/7/2010. Hiện con chung đang sinh sống cùng ông A. Tại phiên tòa ông A yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho ông được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Tại bản tự khai của Nguyễn Gia K ghi nhận nguyện vọng của K là sau khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống với ông A.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay K do ông A chăm sóc, nuôi dưỡng và xem xét nguyện vọng của K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông A không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bị đơn bà T vắng mặt nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn ông A được Tòa án chấp nhận nên ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A đối với bà Trần Thị T về việc “Ly hôn”.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Ngọc A ly hôn với bà Trần Thị T.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia K(nam), sinh ngày 23/7/2010 cho ông Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông A không yêu cầu.

Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(*Ba trăm nghìn*)đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông A đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn*)đồng theo biên lai thu số 009429 ngày 04/9/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:

-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;

-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;

-UBND P. N, Q.B

(nơi đăng ký kết hôn);

-Đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương